TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15 -PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15– 12 - 2025
V/v Tranh chấp HNGĐ- Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Đình Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Bùi Thị Liên,** Cán bộ hưu trí.

2. Bà **Đinh Thị Phong**, Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng**, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà **Bùi Thị Phượng**, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ, chi nhánh 2: Mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 122/2025/TLST- HNGĐ ngày 27/10/2025 về "*Ly hôn*,, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXXST-HN&GĐ, ngày 04/11/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27/11/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **HÀ THỊ B,** sinh năm 1983. Trú tại: Khu VĐ, thị trấn MĐ, huyện TL, tỉnh Hòa Bình.*Nay là khu VĐ, xã TL, tỉnh Phú Thọ*. Hiện ở: Xóm C, xã VS, huyện TL, tỉnh Hoà Bình. (*Nay là xóm C, xã VS, tỉnh Phú Thọ*).

2. Bị đơn : Anh **HÀ VĂN B**, sinh năm 1969. Trú tại: Khu VĐ, thị trấn MĐ, huyện TL, tỉnh Hòa Bình.*Nay là khu VĐ, xã TL, tỉnh Phú Thọ - Vắng mặt*).

3.Người đại diện cho bị đơn: Bà **Bùi Thị U**, sinh năm 1947(*Mẹ đẻ*).

Địa chỉ: Khu VĐ, xã T L, tỉnh Phú Thọ (*Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt*).

4.Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông **Đàm Văn Vượng**, Trợ giúp viên pháp lý, trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Phú Thọ, khu vực 3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được nộp tiền tạm ứng án phí ngày 27/10/2025, bản tự khai và quá trình tố tụng tiếp theo, nguyên đơn chị Hà Thị B trình bày: Chị và anh Hà Văn B kết hôn năm 2012 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện; có thời gian tìm hiểu, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục; có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã NS, huyện TL, tỉnh Hoà Bình (*Nay là xã VS, tỉnh Phú Thọ*). Sau kết hôn vợ chồng sống chung cùng bà Uồi tức mẹ anh Binh tại khu VĐ, thị trấn MĐ, huyện TL, tỉnh Hoà Bình. (*Nay là khu VĐ, xã TL, tỉnh Phú Thọ*). Thời kỳ đầu hôn nhân cuộc sống vợ chồng hạnh phúc khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp; anh B không quan tâm chăm lo cho vợ con, tính cách trái ngược, khác biệt nhau về quan điểm sống, lối sống không những thế

anh B còn có biểu hiện Tâm thần hay loạn thần do rượu, hoang tưởng và lột đồ đi lung tung; Chị đã cùng gia đình chạy chữa và thuốc thang nhiều để anh B bình thường và vợ chồng có cuộc sống hạnh phúc như bao người khác nhưng anh B chỉ đỡ và vẫn không thay đổi việc chửi đuổi chị về ngoại; cuộc sống hết sức nặng nề khiến chị phải bỏ về quê sống. Đến nay. nhận thấy: Có cố kéo dài thì cũng không còn cơ hội đoàn tụ; Tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được chị làm đơn xin ly anh Hà Văn B để giải phóng cho nhau.Về con chung - tài sản chung - công nợ chung : Không có. Về án phí, chị B xin tự nguyện chịu.

Về phía bị đơn anh Hà Văn B: Do chị Hà Thị B xuất trình bệnh án ngoại khoa xác định anh bị bệnh và đang điều trị tâm thần tại bệnh viện Tâm thần trung ương I nên Tòa đã có văn bản hỏi bệnh viện Tâm thần Trung ương I, nhưng bệnh viện không có văn bản trả lời ; Tòa cũng đã có văn bản yêu cầu chính quyền địa phương cho họp gia đình anh B để xác định mẹ anh B có đủ điều kiện là người đại diện đương nhiên cho anh B hay không và nếu không đủ điều kiện thì cho họp gia đình cử người đại diện làm việc với Tòa ; nếu không thì địa phương phải họp và cử người đại diện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Hà Văn B nhưng địa phương đã nhận được các thông báo và văn bản của Tòa theo quy định của pháp luật nhưng không trả lời; Tòa cùng chính quyền xuống tận nơi làm việc thì thấy bà U mẹ anh B và bản thân anh Hà Văn B vẫn khỏe mạnh, đủ tỉnh táo để tham gia các thủ tục và gia đình cũng xác định vợ chồng B B không còn tình cảm, không muốn duy trì quan hệ vợ chồng thì đồng ý ly hôn để chị B đi tìm hạnh phúc mới. Về con chung : Không có ; về tài sản chung, công nợ chung : Không có.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Hà Văn B và xác đinh anh Hà Văn B là người tàn tật có xác nhận và được hưởng chế độ từ ngân sách chính quyền địa phương, hoàn cảnh gia đình khó khăn … Ông Đàm Văn Vượng, trợ giúp viên pháp lý, thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ, bà U là mẹ đẻ và đại diện theo pháp luật của anh B, gia đình và ngay cả Hà Văn B đều đưa ra quan điểm : Không yêu cầu phải xác định hay giám định ở bệnh viện tâm thần trung ương về việc anh Hà Văn B bị Tâm thần hay có nhược điểm về thể chất và tâm thần nữa ; tất cả gồm cả anh B và chị B cùng hai bên gia đình đã thống nhất đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh B và chị B ly hôn phía anh Binh và gia đình xin vắng mặt khi tòa đưa vụ án ra xét xử và không có ý kiến thắc mắc gì.

Để giải quyết vụ án, chị B đề nghị không yêu cầu phải tiến hành thủ tục cho giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nữa mà cần Quyết định đưa vụ án ra xét xử giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Văn B. Đến ngày xét xử lần thứ nhất, anh B và đại diện không có mặt, không có lý do bởi chưa có đơn chính thức xin xét xử vắng mặt. Phiên tòa lần thứ nhất phải hoãn theo quy định của Pháp

luật. Đến phiên tòa lần thứ hai. Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt quyết định hoãn phiên tòa cũng như giấy báo đồng thời ấn định ngày xử tiếp theo và tống đạt cho bà U, anh B đồng thời đề nghị trợ giúp viên pháp lý vào cuộc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn theo pháp luật . Ngày mở lại phiên toà bà U và anh B không đến nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và đã có trợ giúp viên pháp lý. Việc Tòa xét xử vắng mặt bà U và anh B là đúng quy định theo Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đưa ra quan điểm: Quá trình giải quyết: Thẩm phán, hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn, người đại diện đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định. Về nội dung: - Xét thấy: Việc kết hôn của chị B và anh B là tự nguyện và hợp pháp; Quá trình giải quyết chị B xin ly hôn và anh B dù chưa có văn bản của Viện Pháp y Tâm thần Trung ương kết luận: Anh Hà Văn B bị Tâm thần hay có nhược điểm về thể chất và tâm thần nhưng cả chị B và bà U sau khi được Tòa giải thích rõ việc Yêu cầu Bệnh viện Tâm Thần Trung ương khám và kết luận không thì tất cả đều chung quan điểm: Không cần đề nghị Viện Pháp y Tâm thần Trung ương kết luận: Anh Hà Văn B bị Tâm thần hay có nhược điểm về thể chất và tâm thần mà đề nghị Tòa giải quyết theo thủ tục chung. Xét: mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ lâu và đã ở mức độ trầm trọng nên Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Hà Thị B được ly hôn anh Hà Văn B Về con chung: Không có. Về tài sản chung- công nợ chung: Không có. Về trách nhiệm nộp án phí: chị B xin tự nguyện chịu án phí sơ thẩm nên áp dụng quy định của pháp luật hiện hành về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận sự tự nguyện chịu án phí của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: - Quan hệ pháp luật tòa án giải quyết là tranh chấp về ly hôn. Nguyên đơn là là chị Hà Thị B; bị đơn là anh Hà Văn B, trước cả hai cùng trú tại khu VĐ, thị trấn MĐ, huyện TL, tỉnh Hòa Bình(*Nay là khu VĐ, xã TL, tỉnh Phú Thọ*). Sau mâu thuẫn chị B chuyển lên ngoại tại xóm C, xã VS, huyện TL, tỉnh Hòa Bình(*Nay là xã VS, tỉnh Phú Thọ*) nên chị B khởi kiện vụ án, Tòa xác định chị là nguyên đơn. Anh B là người bị khởi kiện là bị đơn là đúng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình(*Nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ*), theo quy định tại Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vì anh B có biểu hiện bị Tâm thần nên Tòa đã làm việc với đại diện hợp pháp của anh B là bà Bùi Thị U cùng gia đình. Quá trình giải quyết: Tòa đã yêu cầu chị B và bà U phải đưa anh B đi giám định tại Bệnh viện Tâm thần Trưng ương và phải có văn bản của Viện Pháp y Tâm thần

Trung ương kết luận: Anh Hà Văn B bị Tâm thần hay có nhược điểm về thể chất và tâm thần nhưng cả chị B và bà U sau khi được Tòa giải thích rõ việc Yêu cầu Bệnh viện Tâm Thần Trung ương khám và kết luận thì tất cả đều chung quan điểm: Không cần đề nghị Viện Pháp y Tâm thần Trung ương kết luận: Anh Hà Văn B bị Tâm thần hay có nhược điểm về thể chất và tâm thần mà đề nghị Tòa giải quyết theo thủ tục chung. Quá trình giải quyết anh Hà Văn B và đại diện đã được tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định và có đơn xin xét xử vắng mặt: Căn cứ theo khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự việc xét xử vắng mặt các đương sự trên là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị B và anh Hà Văn B chung sống và kết hôn với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NS, huyện TL, tỉnh Hòa Bình(*Nay là xã VS, tỉnh Phú Thọ*). Hôn nhân do hai bên tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, mâu thuẫn chủ yếu do tính tình không hợp; anh B lại có bệnh tâm thần; vợ chồng không còn yêu thương nhau cuộc sống gia đình bức bách, nặng nề. Vì không thể chịu đựng và chung sống chị B bỏ lại anh B cho bà U và về bên ngoại sinh sống từ lâu; anh B và gia đình cũng không có ý kiến gì đồng thời cả hai bỏ mặc không quan tâm đến nhau: Vợ chồng ly thân từ đó. Xét hôn nhân giữa chị Hà Thị B và anh Hà Văn B từ sau khi kết hôn được một thời gian vợ chồng đã thường xuyên xảy ra những mâu thuẫn, bất đồng không thể hòa hợp; vợ chồng chung sống không hạnh phúc; chị B bỏ về nhà ngoại và anh B không quan tâm và không có giải pháp gì để chị B tin tưởng mà yên tâm chung sống để có một gia đình hạnh phúc; Hiện cả hai đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn khả năng hàn gắn. Căn cứ tình trạng thực tế thì hôn nhân giữa vợ và chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn để xử cho chị Hà Thị B được ly hôn anh Hà Văn B là cần thiết, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[3]Về con chung: Không có

[4]Về tài sản chung – Công nợ chung: Không có.

[5]Về án phí: Chị Hà Thị B xin tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm: Sự tự nguyện này phù hợp các quy định của pháp luật hiện hành về án phí, lệ phí Tòa án nên chấp nhận sự tự nguyện chịu án phí của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, Khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] -Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hà Thị B được ly hôn với anh Hà Văn B.

[2]-Về con chung: Không có.

[3]Về tài sản chung, công nợ chung: Không có

[4]- Về án phí: Chị Hà Thị B phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Thi hành án tỉnh Phú Thọ theo biên lai số: 0004318 ngày 27/10/2025, nay không phải nộp thêm.

[5]- Về quyền kháng cáo : Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người đại diện có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc nhận được thông báo kết quả xét xử.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 15-Phú Thọ;
- THA DS khu vực 15-Phú Thọ
- Các đương sự;
- UBND xã VS-Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Đình Dũng